

CỬA BỂ CHIỀU HỒM

"Buồn trông cửa bể chiều hôm"
(Nguyễn Du)

Quán rượu O Tam mù lúc nào cũng đông khách, phần lớn là khách quen. Quán ở gần bến, thuyền câu về cặp bờ chỉ nhảy ba bước đã có thể đụng bát với nhau rồi. Rượu ở đây ngon, rượu nếp của dân chợ huyện nấu bằng mạch nước nguồn. Giếng nước cứ trong vắt, rượu sủi tăm như mắt mèo đựng trong hũ sành nút bằng lá chuối khô càng để lâu càng ngọt, thứ "cao gạo" này uống vào cứ lịm dần, lịm ở đầu lưỡi, lịm lên con mắt rồi thấm dần từng tế bào, cả cơ thể ngấm trong rượu từ chân lông, kể tóc; giấc ngủ cũng lịm dần. Cũng men ấy, cũng công thức pha chế ấy, cũng nếp lứt, cũng ủ như thế nhưng hề thay nước ở làng khác là rượu đã biến chất rồi. Dân chợ huyện nhà nhà nấu rượu và nuôi lợn. Lợn rất nhiều, con nào cũng béo nung núc, lông mượt tròn căng ềnh phoir bụng bên bờ tre lốt bằng lá tre khô, chúng không thèm dúi mũi vào các bụi môn, bụi khoai. Lợn được nuôi bằng hèm, rỗng ruột chóng lớn. Vì thế ở làng này có một nghề khá phổ biến nữa là mổ lợn. Đàn ông người nào mặt cũng hum húp nặng bịch, ra đường chỉ thấy cúi gằm nhìn xuống; ngồi uống rượu tay cứ xoa xoa như thói quen hai tay hai dao mài vào nhau trước lúc chọc tiết lợn.

O Tam mù từ nhỏ. Trước O là anh Nhất, anh Nhì đều hy sinh ở chiến trường. Hồi các anh ấy ở nhà thường dắt O đi chơi ra sân đình xem chợ. O chỉ nghe tiếng người mua bán mặc cả nhau đã hình dung ra được chỗ nào bán trâu, chỗ nào bán hàng xén. Vui nhất vẫn là nơi bán cá. Con gái làng biển vừa bán, vừa đếm. Họ đếm lạ lắm. Một chục thì đếm thành mười một con, gọi là chục chẵn, mười con mới là chục trụi. Rồi họ lại đếm bằng tiếng lóng nữa, nghe cứ như hát vậy mà chưa có sai bao giờ. Khác với các cô gái làng biển da ngăm đen, chân đi vòng kiềng, người cứ chúm về phía trước, dáng thâm thấp, nặng chình chịch - O Tam người đồng cao, nước da trắng và cái miệng cười thật xinh, có lúm đồng tiền, duyên dáng dễ. Những lúc O ăn trâu hai gò má ửng hồng khối cô mất mũi đang hoàng phải thua xa. Giọng O nói nhỏ nhẹ bên những người đàn ông quen "ăn sòng, nói gió" sừng sững chắc nịch như dãy núi Nam gười; O Tam giống như khe nước hao hao mát rượi làm chùng lại những bắp gân nổi cuộn cuộn như những mũi dây chằng buồm. O Tam rót rượu thật tài; Rót từ hũ vào những chiếc chai thủy tinh màu xanh hơi đục, để dây in hàng chữ nổi có từ thời Pháp thuộc - O bảo thế! Rượu rót đổ nhều ra ngoài một giọt. O lấy rượu quen "thỏ" chỉ nhấp nhấp một chút là biết được chất lượng. Những buổi tối sau khi đám khách chân nọ đá chân kia xiêu vẹo vá vai nhau xuống thuyền đánh một giấc dài cho các bà "nội trợ" cầm lái ra đến rạo là vừa sáng - O Tam ngồi tựa cửa vào vách tường trên bộ phận gỗ mun láng bóng có thể soi gương được. Cả ngày, người O như được ướp trong hơi rượu thơm nồng và không khí bốc tỏa của đám thực khách bấy giờ O như muốn được giữ bồ bằng cách nhắm nháp mình. Thỉnh thoảng tiếng thạch sùng tắc lưỡi, bầy chuột rúc rích và con mèo mun lặng lẽ trườn vào lòng O lịm dim mắt. O khóc. Từ hai khoé mắt rỉ ra những giọt nước mắt nóng hổi rơi xuống như những ngày biển êm lúc đó lòng O lại nổi sóng huyệt hắng. Mà đàn ông cũng kỳ, có những chuyện phải giấu thì họ lại rủ rỉ với nhau khi có hơi men bốc lên. Tai O thính lắm. O tưởng tượng ra những chuyện kín của họ. Trí tưởng tượng bao giờ cũng bay bổng hơn hiện thực. Đêm đêm dầy vò O. O đắm nghiện cái mùi mồ hôi nặng nặng mùi tóc rối; đắm nghiện cả cái chạm tay, chạm vai với cái da thịt sần sùi. Nhiều khi vuốt vuốt bộ lông mượt của con mèo hay mép phản phảng lì trơn bóng vô hồn. O cứ thêm cầu xé một vật gì đó nóng hổi hổi, xù xì, thô nhám. O nhận ra từng người qua giọng nói, qua bước chân và qua mồ hôi mặc dầu chưa có người nào dám sàm sỡ với O, kể cả những kẻ nát rượu quen uống chịu và trả bằng cá. Họ quý O, nể O, nhìn O thật thánh thiện từ cái bờ vai thon thả, suối tóc chảy dài họ đã mềm lòng rồi.

Trong đám khách uống rượu ấy, O Tam để ý một người con trai lơ lớ giọng ngoài Bắc. Anh uống một mình lặng lẽ một mình không say chỉ đến lúc đứng lên trả tiền giọng mới hơi lạc đi. Cứ chập tối là anh đến ngồi một góc, uống rừ rừ cho đến lúc vắng khách. Hồi đó O Tam mới biết: người ấy tên là Tuấn - con trai Hà Nội chính cống. Đi bộ đội ở đặc công thủy. Trong một lần đánh tàu Cửa Việt anh bị thương. Khuôn mặt khá đẹp trai của anh giờ nhăn nhúm lại chẳng chít vết sẹo. Mắt, mũi cũng bị biến dạng đi qua hàng chục ca phẫu thuật chỉnh hình. Anh quyết định ở lại làng chài này vì nghe đâu anh có một người bạn chiến đấu hy sinh ở chiến trường quê ở đây. Và suốt ngày anh cùng với chiếc thuyền con trên biển. Anh đã thạo nghề câu lưỡi. Chỉ đến tối anh mới lên bờ nhờ bóng đêm che đi khuôn mặt dị dạng của mình mà đám trẻ con chưa quen, nhìn anh đã phát khiếp. O Tam lại nghe người ta bảo nhau: ông Tuấn ấy "sát cá" lắm; hay cá sợ khuôn mặt của anh như ngày trước dân đi biển thường lấy nhọ nôi bôi lên mặt hình thù những con thường luồng thè lưỡi ra dọa cá. Một đêm trăng rằm sau khi hết khách, trời đã về khuya. Mùa hè nóng bức bối, O Tam lần xuống bến đá tắm. Làn nước mát như muôn ngón tay mềm ve vuốt da thịt O; Văng lại tiếng gà gáy eo óc gáy; thảng thốt O cởi bộ áo ngoài và lần ra xa bờ. Hình như O muốn tìm khoái cảm qua làn da mơn man con nước thủy triều sóng sánh ánh trắng. O khoả tay bời vào nước. Quá mê mải, đắm chìm trong những giây phút hoà nhập với thiên nhiên. O tự nhiên bị mất phương hướng và không nhận ra phía bờ nữa. Cứ thế O mon men bước trầy, bước trật nơi sâu, nơi cạn. Bỗng nhiên O bị hắng và rơi vào ven nước chảy của lạch sông. O chơi vơi định kêu lên nhưng nhận ra mình đang ở trần nên lười o lười lại. O đập nước tung toé như con cá bị mắc câu. Nước xộc vào mũi cuốn O đi. O chỉ còn kịp nghe tiếng mái chèo mơ hồ đâu đó đập nước cạnh mình rồi lịm dần...

Người đến kịp thời cứu O Tam chính là Tuấn. Từ lâu Tuấn đã để ý đến O. Vừa ngồi uống rượu, Tuấn vừa ngấm nhìn O, nhận ra ở O Tam có nét gì quen quen như đã gặp ở đâu rồi mà không sao nhớ nổi. Nhà Tuấn ở cạnh hồ Thiên Quang. Ngày nhỏ Tuấn đã say mê câu cá. Đêm xuống, Tuấn xách chiếc cần câu cùng ít mồi làm bằng mắm tôm luyện với bột giã viên lại nhỏ như kẹo mắc vào lưỡi câu uốn bằng dây thép mảnh đi câu trộm cá hồ. Có hôm, câu mãi chẳng được con nào; Tuấn vừa bực mình thì nghe tiếng thờ hỏn hển, ngoái lại đằng sau một cặp đang mắc câu xoắn xuýt vào nhau như rắn trên bãi cỏ dưới chân

chiếc ghế đá. Thì ra một ả điểm đã "ám" Tuấn từ đầu hôm đến giờ mới bắt được khách. Tuấn vọt đứng dậy đá phăng chiếc giỏ đựng cá xuống hồ, bẻ đôi chiếc cần câu dẻo quánh lúi lúi đi về nhà như một gã "trê" bẹp đầu vừa thoát nạn. Từ đó Tuấn cách không ra hồ câu buổi tối nữa. Nhiều lúc bản thân nhớ Hà Nội đến nao lòng nhưng mặt mũi thế này, thôi đành làm gã dân chài, và lại nhà Tuấn cũng đã nhận được giấy báo tử từ lâu. Trận đánh đó Tuấn cùng với anh Dũng - người con trai làng biển ở vùng này, một con rai cá nổi tiếng được giao nhiệm vụ đánh chiếc tàu chở xăng. Mọi việc diễn ra khá thuận lợi nếu như Tuấn không bị chuột rút; anh Dũng vừa bơi vừa diu Tuấn. Tốc độ của họ chậm lại. Mìn nổ, cả bốn xăng lớn trên tàu bùng cháy. Sáng như ban ngày, xăng tràn xuống nước rực đỏ như một biển lửa - Tuấn bị bỏng nặng, khuôn mặt chảy xèo xèo. Anh Dũng có tài lặn đã ngụp xuống đẩy Tuấn thoát ra khỏi con rai lửa đang cuộn tới. Những ngày Tuấn ở quân y buồn chán, anh Dũng thường đến chơi và kể cho Tuấn nghe về làng chài của mình. Cái làng thật lạ. Một nửa sống trên bờ chủ yếu theo đạo Thiên Chúa, còn một nửa sống trên những chiếc thuyền câu nổi lại với nhau như bè, như mảng. Nghe nói ngày trước họ chính là dân Bồ Lô - Một tộc người nghe đâu là gốc Chiêm Thành. Đến nay họ vẫn còn giữ lại vài đặc điểm riêng của bộ tộc ấy như: Lưng hơi cong, cổ rút, tóc xoắn. Họ sống thành cộng đồng lấy thuyền làm nhà, con cái đẻ ra cứ bỏ lỏm nhòm trên thuyền như cua; Sẵn phụ đề xong họ ném nhau thai xuống biển, vì thế có một sợi dây vô hình nào đó gắn những đứa bé ấy với nghề biển. Chúng biết học câu trước khi học đếm, mà học cũng chỉ nhìn được mặt chữ và đếm tiền mà thôi. Người chết, họ phải mua đất trên bờ để chôn, bí quá thì chở sang núi Nam lật đá làm huyết. Có lần cao hứng Dũng còn hứa sẽ gả em gái út cho Tuấn. Nghe Dũng kể Tuấn đã hình dung ra cô gái đó có chiếc mũi dọc dừa và đôi mắt buồn mơ mòng như Đức Mẹ Maria. Đôi mắt thật đẹp. Dũng chép miệng và nhìn ra xa để hình dung ra em gái của mình ở đâu đó phía cuối chân trời. Đôi mắt của út đã làm cho bao chàng trai mê mẩn. Nghe út nói thêm sim chín, thì ra chàng ta đêm đã thấp đuốc chèo thuyền sang núi Nam để hái sim kịp đưa về cho người mình yêu trước lúc trời sáng. Chao ôi, những quả sim mòng mọng nước ấy cứ ám ảnh Dũng mãi. Đến lúc bị thương nặng trước khi nhắm mắt Dũng vẫn ao ước được ăn một quả sim chín. Quả sim ấy Tuấn đã hái được ở khe núi mang về, nhưng Dũng không ăn mà chỉ hôn đôi môi lạnh ngắt của mình lên màu da mọng tím của quả sim và anh khẽ mỉm cười tắt thở.

Đêm đó, sau khi uống rượu ngà say Tuấn xuống chiếc thuyền con của mình định chèo sang núi thì linh tính một điều gì bất ổn mà chiếc thuyền ra giữa dòng cứ tròn xoay. Một xoáy nước lớn như cái lúm đồng tiền của mặt sông phụng phịu làm cho anh bần thần, rã rời tay chèo. Bối sù đã hiện ra trước mặt anh, anh cho thuyền tấp vào buộc dây vào câu sù. Bỗng nhiên Tuấn nghe tiếng đập nước. Một khuôn hình phụ nữ được tạc bằng ánh trăng, hai cánh tay trần khoả vào nước, mái tóc đen dài, đôi bờ vai thon - O Tam !

... Tuấn bé O Tam đặt lên chiếc phản gỗ. Anh cuống quý mở chiếc rương để lấy áo cho O bỗng nhìn thấy mấy tấm ảnh kẹp trong một cuốn sổ tay rơi ra. Tuấn bàng hoàng kêu lên: Anh Dũng ! Người con trai trong ảnh chính là Dũng. Phía đằng sau tấm ảnh có ghi dòng chữ quen thuộc của Dũng "Tặng út Tam của anh - Anh Nhì" thế mà Tuấn cứ đi mãi. Nguyễn Anh Dũng là tên của một vị thủ trưởng đặt cho anh sau một trận đánh khá ác liệt. Từ đó các bài báo viết về anh đều lấy tên Dũng - người làng không ai biết chiến công của anh, họ chỉ quen gọi anh là Nhì; là thứ hai con của ông Tám Thành, cháu của Tứ Lợi ở cái làng Ngũ Đại.

Khi nghe tin anh Tuấn cưới O Tam mọi người trong làng ai cũng vui. Từ bữa đó quán O Tam sôi nổi hẳn lên. Các con "sâu rượu" đãi Tuấn bằng tất cả sự phóng khoáng của dân biển. Thôi thì đủ cả: bữa thì mực nướng. Những con mực kim dài gần nửa mét (tên là Kim nhưng chẳng bé chút nào - đó là loại mực ống, mực chúa) phơi một nắng chưa khô hẳn, vùi tro nóng thịt ăn vừa dai, vừa ngọt lại dễ đưa cay, tỉnh rượu. Rồi những cặp cá thờng ăn sát đất bỏ lỏm. Những người mẹ đẻ con được nời cá thờng kho mặn, thêm hạt tiêu vào lẩm đạm, nhiều sữa lại để được lâu. Người dân chài ở đây có câu: "Cá ăn sát đất bao giờ cũng có cá ngon". Cá thờng có thể ăn được thay cơm, không chán. Có thuyền nọ bị bão trôi dạt đã câu cá thờng ăn thay cơm. Cá thờng nướng uốn cong người, họ cho cái đuôi ngậm vào miệng chắm với nước mắm cốt nấu bằng mắm cá cơm có một cái sọc trắng giữa thân cá thêm tỳ tinh dầu cà cuống vào, ăn đến đâu thấm đường gân thớ thịt đến đó. Một đêm mùa đông sau khi vẫn khách Tuấn bỗng thấy O Tam lặng lẽng đóng cửa sớm hơn mọi ngày và thấp ba nhạng lên bàn thờ. Hương trầm thơm đánh thức trong Tuấn bao kỷ niệm. Nhìn lên tờ lịch trên tường, Tuấn chợt giật mình: đúng ngày này, năm ấy anh Dũng hy sinh ở trạm quân y tiền phương. Đến nay O Tam vẫn chưa biết ngày hy sinh của anh mình vì giấy báo tử gửi về đề tên: Nguyễn Anh Dũng. Tuấn hỏi: "Sao hôm nay em lại thấp hương?". O Tam bảo: "Em buồn quá! Nhớ hai anh Nhất và Nhì quá! Tội nghiệp chết mà không biết ngày giỗ". Đêm đó hai người nằm cạnh nhau. O Tam báo cho Tuấn biết tin mừng là O đã có thai. Tuấn khắp khởi mừng, đôi bàn tay sần sùi đầy vết sẹo của dây căn cước ăn vào thịt của các đốt ngón tay cứ xoa mãi trên cái bụng phập phồng của O. O Tam kể: Anh Tuấn có biết không, trước lúc lên đường đi bộ đội, anh Nhì đã kể cho O Nghe về mối tình của anh với một cô gái trong làng theo đạo Thiên Chúa giáo. Cô ấy là người hát thánh ca hay hát nhất của nhà thờ. Họ thường hẹn gặp nhau ở đồi sim bên núi Nam. Anh đã để lại một giọt máu đó là thằng Sim cháu bà Lục Tú hiện nay. "Thằng Sim" - Tuấn thẳng thốt kêu lên. Đúng, thằng Sim, cái thằng da thịt trắng trẻo má phúng phính như con gái đi thuyền với Tuấn. "Thế còn mẹ của Sim". Tuấn thẳng thốt hỏi. "Mẹ của Sim đã chết khi mới đẻ ra nó" - O Tam rủ rủ nói, như đang đối thoại với người đã mất: "Chị ấy đẻ khó, đưa lên bệnh viện; các bác sĩ bảo phải mổ. Hoặc là cứu mẹ thì mất con. Được con thì mất mẹ. Chị ấy bảo" Đây là giọt máu duy nhất của anh ấy, của dòng họ ấy, các bác sĩ quý cháu - Còn tôi thì tội nghiệp rồi. Khi gặp anh ấy ở thế giới bên kia tôi không còn gì phải hối hận".

Đến gần ngày O Tam sinh con, Tuấn ở nhà chăm sóc. Vì đàn ông vượt biển còn có bạn bè, còn đàn bà "vượt cạn" chỉ một mình. Cái đêm O Tam trở dạ cả cái đám thực khách ở tầu quán gần như không ngủ, họ vừa nhắm rượu vừa lặng lẽ nhìn nhau không ai nói gì. Không khí như chùng chùng xuống. Bà Hiếu - Hộ sinh của trạm xá xuống đỡ đẻ cho O Tam ở phòng trong. Đám đàn ông ngồi ngoài, kê đun nước, người về nhà lấy áo lót cũ của con cái mình cho "gặp may". Khi nghe tiếng khóc oa oa của đứa bé, Tuấn đẩy cửa bước vào. O Tam lịm đi; câu đầu tiên khi O tỉnh dậy hỏi Tuấn: "Anh ơi! Con mình có đầy đủ không anh.

Chân, tay, mắt, mũi". Tuấn rối rít "Lãnh lặn cả em ạ, tay con đây bàn tay năm ngón. Mắt, mũi con đầy đủ cả, mũi đẹp lắm, mũi dọc dừa, con gái mũi dọc dừa lớn lên khối chàng trai mê, đôi mắt đẹp lắm em ơi. Đôi mắt hơi buồn giống như Đức Mẹ Maria đồng trinh" - Từ khoé mắt của O Tam những giọt nước mắt nóng hổi lăn xuống gò má; Hai tay O ghì lấy khuôn mặt của Tuấn hôn lên mắt, lên mũi, lên từng vết sẹo chẳng chịt của anh. Khuôn mặt Tuấn rạng rỡ hẳn - Bà Hiền quay mặt đi giấu những giọt nước mắt vào chiếc khăn mỏ quạ của mình.

Sau khi O Tam "mẹ tròn, con vuông" nhiều lúc thấy Tuấn bế con nựng một lúc rồi thấy anh nín lặng; O Tam trực giác một điều gì không yên ổn trong Tuấn. O hỏi: "Hình như anh có điều gì hơi buồn". Giọng Tuấn chùng xuống "Anh sợ con mình sau này lớn lên nhìn thấy mặt mũi cha thế này". O Tam lại khóc. Những giọt nước mắt bây giờ không thấm xuống lồng mào nữa mà hoà vào đứa con gái còn đỏ hỏn. Sau một chuyến đi dài ngày trên biển trở về Tuấn bỗng thấy nhà mình đầy ắp tiếng cười của trẻ con. Thì ra lũ trẻ nghe tin Tuấn uốn điều giỏi đã đến nhờ anh làm những con điều sáo ra gò biển thả; và từ đó O Tam bao giờ cũng dự trữ những túi kẹo dành cho lũ trẻ. Nhất là những đứa bé nhất gan cứ thập thò ngoài cửa thấy Tuấn về là chạy cuống quýt: "Ông ba bị chúng mày ới! "bây giờ cũng đã sà vào lòng anh.

Đêm tháng ba "rét nàng Bân" thuyền của Tuấn đi đánh cá chim. Trước lúc nhổ neo bỗng nghe thấy tiếng O Tam gọi: "Anh Tuấn ơi!" - Tuấn và thằng Sim sững người lại khi thấy O Tam bươn chải bước phẫm phẫm xuống bến như người mất sáng - Thì ra, tấm áo len O đan cho Tuấn đêm ấy đã xong nút cuối cùng. Bằng một linh cảm nào đó tìm đúng thuyền của Tuấn - Tuấn vội nhảy lên bờ: "Em về đi, con đâu?". O Tam gục đầu vào vai Tuấn. "Anh ơi! Hay là anh về với em đi! Con em gửi cho bà Thất Bát hàng xóm rồi: - Tuấn nghẹn giọng: "Anh phải đi, đang mùa cá chim - bây giờ em về kéo con mong". O Tam sững sờ: "Em không biết đường về nữa đâu" - Tuấn đành nhờ bà Cửu Vạn dắt về.

Chuyến đi biển được rất nhiều cá chim. Con cá chim thật lạ, câu không ăn. Nó bơi thành bầy lấp lánh lật nghiêng, lật ngửa như những chiếc đĩa trắng. Dân biển phải chọn người da dẻ thật trắng lặn xuống bơi và lưới cá chim theo người vào lưôn. Hôm đó ông Mười Hoá ngồi trên cột buồm nhấp nhô như một con thú rình mồi phát hiện ra một bầy cá chim rất đông. Thằng Sim háng hái xin lặn xuống nước vì da nó trắng nhất, Tuấn đưa cho nó bát nước mắm sánh màu cánh gián và dặn: "Cẩn thận nghe Sim, dáo này lắm mập xà; thấy động phải lên ngay!". Thằng Sim lặn xuống thấy cá đông nó mê mãi bơi một vòng, phía sau chân nó là đàn cá chim hàng trăm con bơi theo để vào lưới. Bỗng nhiên ông Mười Hoá kêu lên: "Sim ơi! có mập xà, lên thuyền nhanh đi cháu". Mọi người nhìn về phía cây rạo bằng tre trồng giữa biển khơi thấy lưng con mập xà nổi lên như lưng trâu. Thằng Sim luống cuống, tay chân rối rít không bơi thêm được; cá mập mất kém, nhưng mũi tinh lắm. Nó đang hít hít tìm mồi và bơi về phía Sim. Tuấn bỗng kêu to: "Sim - Đừng yên đừng bơi nữa", anh vội lấy con dao nhọn chuyên uốn lưỡi câu đâm vào đuôi trái của mình và lặn xuống biển phía sau lái con thuyền. Màu đỏ loang tan ra trong nước. Con mập xà ngửi thấy mùi máu quay ngoắt lại tấn công Tuấn - Mọi người tranh thủ kéo Sim lên thuyền. Khi họ quay lại: Tuấn tay cầm dao bơi đứng đối mặt với con mập. Tuấn nhận ra con mập trước mặt mình bị sút mép. Loại mập này dữ lắm đã từng một lần thoát chết đứt khỏi lưỡi câu của tử thần như những con hổ thọt trên rừng. Đám người nhón nháo trên thuyền lúc đó mới hoàn hồn lấy vung nổi, xoong đập vào nhau xua đuổi con mập. Ông Mười Hoá cho buộc quả bóng nhựa vào dây neo rồi chặt đứt dây. Con thuyền nổ máy chồm lên lao thẳng vào con mập. Tuấn bị sóng đánh dạt ra nhưng con mập vẫn không chịu bỏ mồi. Hai mắt Tuấn nhìn thẳng vào nó, chân co chân duỗi đứng thủ thế trong nước, lưỡi dao nhọn có cái cán gỗ chìa ra phía trước. Mọi người hồi hộp tưởng rằng một cuộc một cuộc huyết chiến sắp xảy ra. Nhưng lạ thay sau một cái quẫy mình rất mạnh con mập xà lặn biệt tăm. Tuấn quay lại, đằng sau lưng anh một bầy cá heo mà Tuấn thoát nạn. Riêng thằng Sim khi hôn lên khuôn mặt đầy sẹo của Tuấn, nước mắt đầm đìa nóng hổi chảy ra, nó vừa khóc vừa nghẹn giọng: Mập nó sợ bác Tuấn là phải, bác ấy "sát cá" lắm mà. Còn Tuấn, anh vụt nhớ lại: anh đã gặp con mập xà này một lần đầu đó, hình như trong lần đánh tàu chiến Mỹ ở Cửa Việt, cũng nốt con mập xà như thế: Con mập bị sút mép...

Tháng 5 năm 1997

Nguyễn Ngọc Phú